

## Guard Miles+ E T

### MÔ TẢ SẢN PHẨM

Đây là loại sơn tĩnh điện được thiết kế để mang lại bề mặt hoàn thiện đẹp, có khả năng che phủ tối ưu và hiệu quả kinh tế cao. Nó đồng thời mang lại hiệu quả sản xuất từ khả năng phân bố đều bột của sản phẩm.

Không cần đầu tư thêm thiết bị đặc biệt để có được lợi ích từ khả năng che phủ và đặc tính kinh tế cao của sản phẩm Guard Miles+.

### Phạm vi ứng dụng

Sản phẩm này được đề nghị sử dụng cho ngoại thất.

Phạm vi ứng dụng tiêu biểu:  
Máy điều hòa không khí

### ĐIỀU KIỆN LƯU KHO

Đặc tính	Tiêu chuẩn	Kết quả
Tỷ trọng cụ thể		Tiêu biểu 1.7±0.1 g/cm <sup>3</sup>

### Lưu trữ

Lưu trữ trong khu vực khô mát. Nhiệt độ tối đa 25°C. Độ ẩm tương đối tối đa 60%. Nên kiểm tra lại chất lượng sản phẩm nếu lưu kho quá 12 tháng.

### THI CÔNG

#### Xử lý bề mặt

Chất lượng tổng thể của hệ sơn phụ thuộc rất lớn vào bản chất của vật cần sơn, cũng như phương pháp và chất lượng của công tác xử lý bề mặt. Để đạt được kết quả tốt nhất, nên tuân theo hướng dẫn của nhà cung cấp dung dịch xử lý bề mặt

#### Thi công sơn bột

Quá trình gia nhiệt đóng rắn	Nhiệt độ kết cấu cần sơn	Thời gian
Guard Miles+ E9 T	190 °C	10 phút
Guard Miles+ E6 T	160 °C	10 phút

Các quá trình gia nhiệt đóng rắn khác có thể được tạo ra với sự phê chuẩn kỹ thuật.

Chiều dày sơn đề nghị (µm):40-60

#### Thiết bị

Phù hợp cho thiết bị phun sơn Corona và Tribo.

### BỀ MẶT HOÀN THIÊN

<b>Màu sắc</b>	Sản phẩm này được cung cấp ở những màu nhạt.*	
<b>Độ bóng</b>	EN ISO 2813 (60°)	60-90*
<b>Hoàn thiện</b>	Nhẵn mịn	

Nếu bề mặt quá nhỏ hay không thích hợp cho việc sử dụng máy đo bóng, thì độ bóng nên được so sánh bằng mắt thường với mẫu đối chứng (với cùng góc nhìn)

\* Màu và cấp độ bóng khác có thể được cung cấp khi được xét duyệt kỹ thuật.

## THÔNG SỐ SẢN PHẨM

Những thông số kỹ thuật tiêu biểu được cung cấp dưới đây cho sản phẩm này khi nó được thi công như sau:

Chất nền vật sơn	Thép mạ kẽm hoặc thép xử lý phốt phát kẽm.
Chiều dày tấm thử (mm)	0,8 (thép cán nguội) / 0,9 (thép mạ kẽm)
Chiều dày màng sơn (µm)	40-60

Những thông số đặc thù để kiểm nghiệm.

Đặc tính	Tiêu chuẩn	Kết quả
<b>Thử nghiệm độ cứng bằng bút chì</b>	ASTM D3363-05	Độ cứng rạch: Tối thiểu H
<b>Độ cứng màng sơn</b>	EN ISO 2815	Độ bền lõm theo phương pháp đo Buchholz: > 80
<b>Thử nghiệm theo phương pháp đội màng sơn (cupping) (Erichssen)</b>	ISO 1520	≥ 5 mm
<b>Khả năng chịu va đập</b>	ASTM D2794 (5/8 " ball)	100/80 inch-pounds (mặt trước và mặt sau)
<b>Độ bám dính</b>	ISO 2409	Cắt ca-rô cấp độ Gt0 (bám dính 100%)
<b>Độ bền với a-xít</b>	ISO 2812-1	120 giờ, 5% H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> - Không mất bóng
<b>Độ bền với kiềm</b>	ISO 2812	NaOH 1 %, 120 giờ - Không mất bóng đáng kể
<b>Độ bền khi phun dung dịch muối trung tính</b>	ASTM B117	Không phồng giộp và ăn mòn tối đa 1 mm từ mép vết cắt sau 500 giờ.
<b>Độ bền với không khí ẩm</b>	ISO 6270-2	Không phồng giộp và ăn mòn tối đa 2 mm từ mép vết cắt sau 504 giờ.
<b>QUV B</b>	ASTM G154 (Bóng: UVB-313, cường độ bức xạ mặt trời 0.75 W/m <sup>2</sup> - Chu trình: chiếu sáng 4 giờ và trong môi trường ngưng tụ hơi nước 4 giờ)	Độ cầm bóng 50% sau 200 giờ

## Trường hợp miễn trừ

Thông tin trong tài liệu này được đưa ra từ những kiến thức tốt nhất của Jotun, dựa trên các thử nghiệm và kinh nghiệm thực tế. Những sản phẩm Jotun được xem như là bán thành phẩm cho tới khi được thi công tốt trên bề mặt cấu trúc cần bảo vệ. Tuy nhiên trong thực tế, sản phẩm có thể được sử dụng trong những điều kiện ngoài tầm kiểm soát của Jotun. Nên Jotun chỉ có thể đảm bảo chất lượng vốn có của sản phẩm. Sản phẩm có thể được thay đổi nhỏ để phù hợp với yêu cầu của nước sở tại. Jotun có quyền thay đổi những thông số đã đưa ra mà không cần thông báo.

Người sử dụng phải nên luôn tham khảo Jotun những hướng dẫn chuyên biệt cho sự phù hợp của sản phẩm này theo nhu cầu của mình và phương pháp thi công chuyên biệt.

Nếu có sự mâu thuẫn nào gây ra do vấn đề ngôn ngữ trong tài liệu này, thì tài liệu tiếng Anh (United Kingdom) sẽ được xem như là tài liệu chính thức.

# Bảng thông số kỹ thuật

## Guard Miles+ E T

